|  |  |
| --- | --- |
| HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM  **HỘI CCB TỈNH QUẢNG NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ**

**Công tác thi đua, khen thưởng**

**trong Hội Cựu chiến binh tỉnh (sửa đổi, bổ sung năm 2024)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số* ***146****/QĐ-CCB ngày 14 tháng 5 năm 2024*

*của Chủ tịch Hội CCB tỉnh Quảng Nam)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quy chế này quy định về lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện và trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, cá nhân đối với công tác thi đua, khen thưởng (viết tắt TĐKT) trong Hội Cựu chiến binh (viết tắt CCB) tỉnh; những nội dung công tác khen thưởng đối với các lực lượng tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội CCB tỉnh; quy định về tổ chức Hội đồng TĐKTHội CCB tỉnh; về chấm điểm thi đua, xếp loại thi đua hàng năm của Hội CCB tỉnh.

2. Quy định việc tiến hành công tác TĐKT đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua của các tổ chức Hội trong Hội CCB tỉnh; khen thưởng khi tổ chức đợt thi đua cao điểm, đột kích, hội thi, thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ chuyên ngành hoặc lập được thành tích đột xuất; khen thưởng khi thực hiện một số nhiệm vụ khác của Trung ương Hội CCB Việt Nam và của tỉnh Quảng Nam (gọi tắt là thi đua chuyên đề).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Cán bộ, hội viên, công chức, viên chức, người lao động hợp đồng, tổ chức Hội CCB các cấp thuộc Hội CCB tỉnh Quảng Nam (theo quy định tại Bộ Luật Lao động).

- Các tập thể, cá nhân không phải là tổ chức Hội, hội viên CCB tỉnh Quảng Nam có thành tích xuất sắc đóng góp xây dựng Hội CCB tỉnh Quảng Nam.

**Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua**

1.Tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào cá nhân, tập thể đăng ký thi đua, xác định nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu các phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua (trừ tập thể, cá nhân không phải là tổ chức Hội, hội viên CCB tỉnh Quảng Nam nêu ở Điều 2 Quy chế này).

**Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng**

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời; một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; bảo đảm tính thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng; kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất; chú trọng khen thưởng tập thể là Hội CCB cơ sở, chi hội, phân hội; cán bộ hội cơ sở và hội viên CCB.

2. Khen thưởng phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn quy định, thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; khen theo đợt, chuyên đề, đột xuất không nhất thiết phải khen trình tự từ thấp đến cao; thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng càng lớn thì được xem xét đề nghị khen thưởng với mức cao hơn.

3. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, đột xuất được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng trong phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” hàng năm.

4. Chưa khen thưởng hoặc chưa đề nghị cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

**Điều 5. Nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cá nhân khi tiến hành công tác TĐKT**

1. Nghiên cứu, quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quy định của Trung ương Hội, của UBND tỉnh, của Hội CCB tỉnh và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp về công tác TĐKT để triển khai thực hiện.

2. Xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động công tác TĐKT từng giai đoạn, năm, quý hoặc tổ chức thi đua theo đợt, chuyên đề.

3. Tổ chức tốt các phong trào thi đua thường xuyên; các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề.

4. Phát hiện, bồi dưỡng, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

5. Sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác TĐKT và phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu”, phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề, đột xuất.

6. Tổ chức bình xét, khen thưởng các danh hiệu thi đua; khen thưởng các loại hình thành tích được quy định tại Luật TĐKT số 06/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15/6/2022; Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-CCB ngày 08/3/2024 của Hội CCB Việt Nam về Quy chế công tác TĐKT giai đoạn 2021-2026 Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam; Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh vầ ban hành kèm theo Quy chế công tác thi đua, khen thưởng của UBND tỉnh Quảng Nam.

**Chương II**

**LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

**Điều 6. Lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn công tác TĐKT trong Hội CCB tỉnh.**

1.Công tác TĐKT trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của Hội CCB tỉnh đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Hội CCB tỉnh.

2. Ban Tuyên giáo - Tổ chức - Kiểm tra Hội CCB tỉnh tham mưu giúp Thường trực, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác TĐKT trong Hội CCB tỉnh.

**Điều 7. Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh**

***1. Thành phần Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh***

**-** Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Hội CCB tỉnh

- Phó Chủ tịch: Phó Chủ tịch Hội CCB tỉnh

- Ủy viên Thường trực: Trưởng ban Tuyên giáo - Tổ chức - Kiểm tra

- Các ủy viên gồm: Các đồng chí Thường vụ Hội CCB tỉnh; Cụm trưởng 3 cụm thi đua (cụm 9 huyện, thị xã, thành phố đồng bằng; cụm 9 huyện miền núi; cụm (khối 487” trực thuộc và các ban cơ quan); Phó ban và cán bộ Ban Tuyên giáo - Tổ chức - Kiểm tra; Trưởng, phó Ban Phong trào - Văn phòng, phó ban Kiểm tra cơ quan Hội CCB tỉnh.

***2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh***

*a. Nhiệm vụ:*

- Thảo luận, thống nhất về phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp, hình thức tiến hành công tác TĐKT hàng năm và các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề.

- Điều chỉnh và ban hành quy định chấm điểm thi đua hằng năm và duy trì phong trào thi đua bảo đảm tính liên tục, có chiều sâu, rộng khắp và hiệu quả.

- Thảo luận, thống nhất đánh giá kết quả, rút ra nguyên nhân mạnh, yếu và bài học kinh nghiệm trong tiến hành công tác TĐKT hàng năm, nhiệm kỳ và các phong trào thi đua theo đợt, chuyên đề.

*b. Quyền hạn:*

Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh kết luận, quyết định việc đánh giá, nhận xét, xếp loại TĐKT hàng năm; xem xét, quyết định về hình thức, mức khen đối với các trường hợp do cấp dưới đề nghị và xét đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền.

**Điều 8. Thường trực Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh**

***1. Thành phần Thường trực Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh***

**-** Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội CCB tỉnh;

- Trưởng, Phó ban cơ quan Hội CCB tỉnh và đồng chí Phó ban Kiểm tra, cán bộ Tuyên giáo Hội CCB tỉnh.

***2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh***

*a. Nhiệm vụ:*

Thông qua các văn bản chỉ đạo công tác TĐKT và theo dõi, kiểm tra các hoạt động công tác TĐKT theo đợt, chuyên đề và năm.

*b. Quyền hạn:*

Thường trực Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh xem xét, quyết định về hình thức, mức khen theo đợt, chuyên đề, đột xuất và xét công nhận các danh hiệu đối với các trường hợp do cấp dưới đề nghị theo thẩm quyền; Xét đề nghị cấp trên và các ngành khen thưởng đột xuất, chuyên đề, các phong trào và công nhận các danh hiệu theo quy định.

***3. Cơ quan Thường trực Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh là Ban Tuyên giáo - Tổ chức - Kiểm tra.***

**Điều 9. Tổ thư ký**

***1. Thành phần Tổ thư ký Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh:***

- Tổ trưởng: Đồng chí Phó Chủ tịch Hội CCB tỉnh.

- Các thành viên: Các Trưởng, phó ban Tuyên giáo - Tổ chức - Kiểm tra; Phong trào - Văn phòng cơ quan Hội CCB tỉnh và đồng chí Phó ban Kiểm tra, cán bộ Tuyên giáo Hội CCB tỉnh.

***2. Nhiệm vụ:*** Tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng và Hội đồng TĐKT tỉnh soạn thảo, ban hành bảng chấm điểm thi đua hằng năm và duy trì phong trào thi đua; theo dõi, kiểm tra các hoạt động công tác thi đua khen thưởng; dự thảo chấm điểm, nhận xét, xếp loại thi đua; đề xuất phương hướng, mục tiêu, nội dung, biện pháp công tác thi đua.

**Điều 10. Cụm (Khối) thi đua và nguyên tắc hoạt động**

***1. Cơ sở để thành lập Cụm (Khối) thi đua:***

Cụm (Khối) thi đua được thành lập trên cơ sở các đơn vị có đặc điểm tương đồng về điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán và tâm lý vùng miền, thuận lợi về giao thông đi lại để thường xuyên trao đổi, học tập kinh nghiệm trong tổ chức phong trào thi đua và kiểm tra kết quả công tác TĐKT của các đơn vị thành viên.

***2.* *Tổ chức******cụm (khối) thi đua:***

a. BCH Hội CCB tỉnh quyết định thành lập cụm (khối) thi đua trong phạm vi tỉnh.

b. BCH Hội CCB các huyện, thị xã, thành phố quyết định thành lập cụm (khối) thi đua trong phạm vi huyện, thị xã, thành phố.

**3. Nguyên tắc hoạt động:**

a. Tập trung, dân chủ, bình đẳng, đoàn kết, cùng phát triển.

b. Mỗi cụm (khối) thi đua do 1 đơn vị làm cụm (khối) trưởng; 1 đơn vị làm cụm (khối) phó.

c. Trưởng, phó cụm (khối) thi đua được Hội Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh phân công luân phiên đảm nhiệm.

d. Trưởng, phó cụm (khối) thi đua được sử dụng bộ máy, con dấu của đơn vị khi tổ chức và ban hành các văn bản của cụm (khối) thi đua.

**Điều 11. Nhiệm vụ trưởng, phó cụm (khối) thi đua**

Trưởng, phó cụm (khối) thi đua do Hội đồng TĐKT phân công theo hình thức luân phiên.

***1. Nhiệm vụ của Trưởng cụm (khối)* *thi đua.***

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng TĐKT về hoạt động của cụm (khối) thi đua và có nhiệm vụ sau:

- Tổ chức cho các đơn vị thành viên trong cụm (khối) đăng ký giao ước thi đua hàng năm, đột xuất, theo chuyên đề.

- Chủ trì việc tổng hợp kết quả phong trào thi đua, tự chấm điểm của các đơn vị trong cụm (khối) cuối năm và trao đổi, thống nhất với phó cụm (khối) thi đua. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tổng hợp, kết quả phong trào thi đua cuối năm, điểm tự chấm của các đơn vị trong cụm (khối) và các mặt công tác bảo đảm khác phục vụ tốt Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua năm. Trao đổi, thống nhất với tổ thư ký về dự thảo nhận xét, tự chấm điểm thi đua của các đơn vị trong cụm (khối) báo cáo Hội đồng TĐKT.

- Cùng Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh Hội, chủ trì hội nghị sơ kết 6 tháng và tổng kết năm hoạt động của cụm (khối) thi đua; báo cáo kết quả lên Hội đồng TĐKT.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng TĐKT.

***2. Nhiệm vụ của Phó cụm (khối)*** ***thi đua.***

- Cùng với Trưởng cụm (khối) thi đua chịu trách nhiệm trước Hội đồng TĐKT về hoạt động của cụm (khối) thi đua và có trách nhiệm: Chủ trì việc tổng hợp kết quả phong trào thi đua, điểm tự chấm của các đơn vị trong cụm (khối) 6 tháng đầu năm và trao đổi, thống nhất với Trưởng cụm (khối) thi đua. Chuẩn bị nội dung, chương trình và các mặt công tác bảo đảm khác phục vụ tốt Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

- Thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng cụm (khối) thi đua; thay mặt Trưởng cụm (khối) thi đua giải quyết một số công việc khi Trưởng cụm (khối) thi đua ủy quyền.

**Điều 12. Chế độ hoạt động của Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh**

***1. Chế độ hội họp***

a) Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh mỗi năm họp 02 lần: sơ kết 6 tháng vào tháng 6, tổng kết năm vào tháng 11 hàng năm. Trước khi họp Hội đồng TĐKT phải họp Thường trực Hội đồng TĐKT để thông qua các nội dung chuẩn bị cho Hội đồng.

b) Cụm (khối) thi đua mỗi năm họp 02 lần: sơ kết 6 tháng họp vào tháng 6, tổng kết cuối năm họp vào tháng 11 hàng năm.

c) Địa điểm họp luân phiên theo từng đơn vị trong cụm (khối) thi đua, do Thường trực Hội đồng TĐKT phân công.

***2. Chế độ kiểm tra:***

a) Thường trực Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh kiểm tra đơn vị trực thuộc mỗi năm 01 lần vào tháng 10 hàng năm; kiểm tra đột xuất khi cần thiết do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

b) Sau khi kiểm tra có nhận xét đánh giá; định hướng công tác TĐKT giai đoạn tiếp theo đối với đơn vị được kiểm tra.

**Điều 13. Báo cáo, thông báo kết quả thi đua**

Sau khi sơ kết, tổng kết phải tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện phong trào, đợt thi đua với cấp trên trực tiếp và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị thuộc quyền.

**Chương III**

**CHẤM ĐIỂM THI ĐUA**

**Điều 14**. Chấm điểm thi đua phải bảo đảm khách quan, công bằng, chính xác và căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hội; các mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu thi đua trong năm và từng đợt thi đua. Chấm điểm thi đua phải toàn diện, trong đó chú trọng đến hiệu quả của việc khắc phục giải quyết các khâu yếu, mặt yếu và kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Hội.

**Điều 15**. Chấm điểm được thực hiện theo quy trình sau:

- Đơn vị tự chấm điểm.

- Trưởng, Phó Cụm (khối) thi đua tổng hợp kết quả phong trào thi đua và tự chấm điểm của các đơn vị trong cụm (khối) thông qua tại hội nghị cụm thi đua 6 tháng đầu năm và cả năm, báo cáo Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh sau khi họp cụm (khối) thi đua và Hội đồng TĐKT.

- Tổ thư ký Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh dự thảo nhận xét, chấm điểm, xếp loại từng đơn vị; tham mưu đề xuất họp Thường trực Hội đồng TĐKT và Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh thông qua dự thảo nhận xét, chấm điểm, xếp loại từng đơn vị và thông báo nhận xét, chấm điểm cho các đơn vị sau họp các cụm thi đua.

**Điều 16**. Kết quả chấm điểm, xếp loại thi đua được thông báo đến các đơn vị trong cụm thi đua và cấp ủy, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị để làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cả năm; đồng thời là cơ sở để xem xét đề nghị hình thức khen thưởng đối với các đơn vị trong cụm thi đua.

**Điều 17. Cách chấm điểm thi đua**

Trên cơ sở điểm tối đa của từng nội dung và chỉ tiêu thi đua được quy định trong bảng chấm điểm thi đua hàng năm, căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo từng nội dung để chấm điểm. Các chỉ tiêu đạt đến đâu thì chấm số điểm tương ứng đến đó; đồng thời phải gắn việc hoàn thành chỉ tiêu về mặt số lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

- Các chỉ tiêu có tính định lượng đạt được bao nhiêu % thì được chấm điểm tương ứng với tỷ lệ % điểm tối đa của nội dung đó đã được xác định trong bảng chấm điểm.

- Các chỉ tiêu có tính định tính, căn cứ vào chất lượng và thời gian... để tính mức độ hoàn thành nhiệm vụ “Tốt - Khá - Trung bình - Yếu” để chấm theo thang điểm đã xác định trong bảng chấm điểm *(phải căn cứ vào chất lượng, thời gian hoàn thành và phải có văn bản triển khai thực hiện).*

**Điều 18: Bảng chấm điểm thi đua và thang điểm (Có biểu chấm điểm kèm theo).**

- Bảng chấm điểm thi đua được ban hành hàng năm cho phù hợp với nội dung, chỉ tiêu thi đua theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Hội CCB tỉnh.

- Thang điểm theo hướng dẫn của Phòng TĐKT, Sở nội vụ tỉnh quy định. Tổng số: 1000 điểm, trong đó có 950 điểm theo các mục tiêu thi đua, 50 điểm thưởng.

**Điều 19. Thời gian để tính chấm điểm thi đua**

Từ ngày 01/11 năm trước đến ngày 31/10 năm sau.

**Chương IV**

**ĐIỂM THƯỞNG, ĐIỂM TRỪ VÀ XẾP LOẠI THI ĐUA**

**Điều 20. Điểm thưởng, điểm trừ được cộng hoặc trừ vào tổng điểm của cácnội dung thi đua.**

- Điểm thưởng và điểm trừ được quy định cụ thể tại bảng chấm điểm phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” hằng năm và có thể được điều chỉnh cho phù hợp với nội dung phát động thi đua, cũng như nhiệm vụ được xác định trong năm.

- Tổng điểm thưởng không vượt quá 50 điểm.

**Điều 21. Xếp loại thi đua**

Đơn vị có điểm cao nhất trong cụm thi đua thì xếp thứ nhất và theo thứ tự cho đến đơn vị thứ 9 (đối với 2 cụm thi đua đồng bằng và miền núi); từ thứ nhất đến thứ 4(đối với cụm thi đua cơ quan và Hội CCB khối 487 trực thuộc). Các đơn vị có tổng số điểm ngang nhau, thì đơn vị nào có điểm nội dung Mục tiêu 1: “Phát huy bản chất, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”, tích cực tham gia xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, chế độ XHCN, bảo vệ nhân dân; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn” cao hơn xếp trên; nếu nội dung này có số điểm ngang nhau thì lấy điểm nội dung Mục tiêu 2: “Chăm lo xây dựng tổ chức Hội các cấp vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức đủ sức hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao…” cao hơn xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau thì lấy nội dungMục tiêu 3: *“*Động viên cán bộ, hội viên phát huy tinh thần tự lực, tự cường giúp nhau giảm nghèo, nâng cao đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của CCB” cao hơn xếp trên***.*** Nếu vẫn bằng nhau thì do Hội đồng TĐKT Hội CCB tỉnh xem xét quyết định.

**Điều 22. Xếp loại hoàn thành nhiệm vụ**

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Không vượt quá 20% số tập thể, “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trong năm.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Từ 850 điểm trở lên.

- Hoàn thành nhiệm vụ: Từ 500 đến dưới 850 điểm.

- Không hoàn thành nhiệm vụ: Dưới 500 điểm.

**Chương V**

**KHEN THƯỞNG**

**Điều 23.** **Đối tượng khen thưởng**

Đối tượng được khen thưởng gồm tập thể, cá nhân *(là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (theo quy định tại Bộ Luật Lao động)* trực tiếp thực hiện nhiệm vụ của Hội CCB có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” và các tập thể, cá nhân không phải là tổ chức Hội, hội viên CCB tỉnh Quảng Nam có thành tích xuất sắc đóng góp xây dựng Hội CCB tỉnh Quảng Nam.

**Điều 24.** **Thẩm quyền quyết định khen thưởng.**

1. Chủ tịch Hội CCB Việt Nam ký quyết định tặng danh hiệu cờ thi đua, bằng khen, kỷ niệm chương CCB Việt Nam.

2. Chủ tịch Hội CCB tỉnh ký quyết định tặng bằng khen của BCH Hội CCB cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Hội CCB cấp huyện, thị xã, thành phố ký quyết định tặng giấy khen của BCH Hội CCB huyện, thị xã, thành phố.

4. Chủ tịch Hội CCB xã, phường, thị trấn tổ chức bình xét và đề nghị cấp trên tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng đối với tổ chức Hội, hội viên thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 25.** **Khen thưởng phong trào thi đua “Cựu chiến binh gương mẫu” hằng năm.**

***1. Đối với tập thể***

a. Tặng Cờ, bằng khen của UBND tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Sở Nội vụ Quảng Nam về công tác thi đua khen thưởng.

b. Đơn vị xếp thứ nhất, cụm thi đua đồng bằng và miền núi, Hội CCB tỉnh đề nghị BCH Trung ương Hội CCB Việt Nam tặng cờ thi đua theo Quyết định số 56/QĐ-CCB ngày 08/3/2024 ban hành Quy chế công tác TĐKT Hội CCB Việt Nam.

c. Đơn vị xếp thứ hai, ba, cụm (khối) thi đua đồng bằng và miền núi, Hội CCB tỉnh đề nghị BCH Trung ương Hội CCB Việt Nam tặng Bằng khen của Trung ương Hội theo Quy chế TĐKT của Trung ương Hội CCB Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 56/QĐ-CCB ngày 08/3/2024.

d. Ban Chấp hành Hội CCB tỉnh tặng Bằng khen cho tập thể đơn vị xếp thứ tư và thứ năm cụm thi đua đồng bằng, miền núi; đơn vị xếp thứ nhất, thứ nhì cụm thi đua các Ban cơ quan tỉnh hội và khối “487” trực thuộc Tỉnh hội và các tập thể Hội CCB xã, phường, thị trấn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm do Hội CCB các huyện, thị xã, thành phố đề nghị theo phân bổ của Thường trực Hội đồng TĐKT, Hội CCB tỉnh.

***2. Đối với cá nhân***

a. Ban Chấp hành Hội CCB tỉnh tặng Bằng khen đối với người đứng đầu đơn vị xếp thứ nhất, nhì, ba, tư, năm cụm thi đua đồng bằng và miền núi; người đứng đầu đơn vị xếp thứ nhất, nhì cụm thi đua khối “487” trực thuộc và các ban cơ quan Hội CCB tỉnh (nếu đủ tiêu chí đề nghị khen thưởng).

b. Ban Chấp hành Hội CCB tỉnh tặng Bằng khen cho cá nhân người đứng đầu Hội CCB cấp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, do Hội CCB huyện, thị xã, thành phố; Hội CCB khối “487” trực thuộc đề nghị (theo số lượng phân bổ).

c. Ban Chấp hành Hội CCB tỉnh xét tặng danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến cho cá nhân (theo điều 19 Luật TĐKT) và tập thể lao động tiên tiến (theo điều 20 Luật TĐKT), Chiến sỹ thi đua cơ sở (theo điều 19 Luật TĐKT) và đề nghị UBND tỉnh tặng Tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen đối với tập thể và cán bộ, nhân viên cơ quan Hội CCB tỉnh (theo điều 74 Luật TĐKT), nếu đủ tiêu chí xét tặng danh hiệu thi đua và đề nghị khen thưởng.

**Điều 26. Khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng các phong trào, các cuộc vận động, khen thưởng thành tích quản lý vốn vay ủy thác ngân hàng chính sách xã hội thực hiện như sau:**

a. Trường hợp đề nghị Trung ương Hội và UBND tỉnh hoặc các ngành khen thưởng; Thường trực Hội đồng TĐKT, Hội CCB tỉnh căn cứ kế hoạch, hướng dẫn, số lượng phân bổ và thành tích của các tập thể, cá nhân đạt được để xem xét, đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định.

b. Trường hợp Ban Chấp Hội Cựu chiến binh tỉnh khen theo thẩm quyền; Thường trực Hội đồng TĐKT, Hội CCB tỉnh xem xét đề nghị của Hội CCB cấp huyện và thành tích của tập thể, cá nhân đạt được để tặng Bằng khen, Giấy khen theo thẩm quyền.

**Điều 27.** **Xét công nhận danh hiệu thi đua, sáng kiến**

Hằng năm Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh xét, công nhận các sáng kiến, danh hiệu lao động xuất sắc, Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở đối với công chức, viên chức, nhân viên thuộc cơ quan Hội CCB tỉnh và danh hiệu CCB sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh theo thẩm quyền *(Hằng năm Hội CCB cấp huyện xác lập hồ sơ đề nghị công nhận danh hiệu CCB sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh gửi về Thường trực Hội đồng TĐKT theo quy định.*

**Chương VI**

**QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ**

**Điều 28.** **Nguồn kinh phí Quỹ TĐKT**

1. Quỹ TĐKT của Hội Cựu chiến binh tỉnh do Ủy Ban nhân dân tỉnh cấp từ nguồn ngân sách Nhà nước trong dự toán ngân sách hằng năm.

- Trích từ nguồn thu Hội phí và phúc lợi xã hội, mức trích tối đa 10% trong năm.

- Trích từ nguồn thu phí ủy thác Ngân hàng CS-XH, mức trích tối đa 20% trong năm.

2. Quỹ TĐKT Hội Cựu chiến binh huyện, thị xã, thành phố do Ủy Ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quy định.

3. Kinh phí bảo đảm cho công tác khen thưởng sơ kết, tổng kết các cuộc vận động, các phong trào thi đua theo chuyên đề của các ngành, do các ngành, chủ trì lập dự toán trình cấp có thẩm quyền cấp.

**Điều 29. Quản lý, sử dụng Quỹ TĐKT**

***1. Quản lý Quỹ TĐKT***

a) Quỹ TĐKT của cấp nào do cấp đó lập và quản lý, cấp phát, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

b) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

***2. Sử dụng Quỹ TĐKT***

a) Quỹ TĐKT được dùng để chi cho việc tổ chức các phong trào thi đua, công tác TĐKT và chi thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Chi cho in ấn, làm hiện vật khen thưởng (giấy chứng nhận, bằng khen, khung bằng, cờ thưởng).

***3. Nguồn Quỹ TĐKT***

a) Từ nguồn ngân sách nhà nước theo lập dự toán hằng năm, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trích từ Quỹ Hội, lệ phí, hội phí và huy động xã hội hóa.

**Chương VII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 30.** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định ban hành. Những quy định, hướng dẫn trước đây trái với quy chế này đều bãi bỏ.

**Điều 31.** Ban Chấp hành Hội CCB các cấp, Chủ tịch Hội CCB khối (487) trực thuộc và cơ quan Hội CCB tỉnh quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm quy chế này. Quá trình thực hiện có gì vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi phản ảnh về Hội CCB tỉnh (qua Ban Tuyên giáo - Tổ chức - Kiểm tra) để tổng hợp báo cáo Thường trực xem xét, đề nghị Ban Chấp hành quyết định./.